

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067100607 - T o ã n g d ã g 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ì T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040084	36CLC-CĐ	Nguy n ã c An	05/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3671040641	36CLC-CĐ	ñ @ Gia B o	26/07/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
3	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ã ng Thanh B ã nh	18/06/1994				5.3			5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	
4	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				4.8			4.8	1.4	4.3	3.0	4.5	
5	3671040058	36CLC-CĐ	ñ @ Nguy ² n Cát	28/08/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
6	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ã ã C ã ng	22/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i C ã ng	21/05/1993				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
8	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ã ng Ch ã nh	27/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ã ã Du ã n	06/02/1994				4.5			4.5	1.4	4.3	3.0	4.4	
10	3671040508	36CLC-CĐ	Nguy n Tu ã n Duy	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
11	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ã n D ã ã g	16/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh D ã ã g	03/10/1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
13	3671040843	36CLC-CĐ	Tr n Thanh Giang	02/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H ã i	12/01/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
15	3671040857	36CLC-CĐ	V H S ã n H ã i	14/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
16	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				5.8			5.8	1.7	4.5	3.2	4.9	
17	3671040736	36CLC-CĐ	T V ã ã H ó a	01/10/1993				4.8			4.8	1.4	4.3	3.0	4.5	
18	3671040082	36CLC-CĐ	Nguy n Cao Huy	27/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
19	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S ã n H ã ã ng	02/04/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100607 - T ấ n ấ g d ấ g 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh	Ki t	14/10/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
21	3671040997	36CLC-CĐ	B ầ Duy	Kh ấ nh	23/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	3671041838	36CLC-CĐ	Nguy n Duy	Kh ấ nh	13/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3671040081	36CLC-CĐ	Nguy n Th M ầ nh	Kh ồ i	27/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang	Khuê	13/08/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
25	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c	Linh	18/03/1994				4.0			4.0	1.2	1.3	0.9	2.1	
26	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.3	0.2	0.2	
27	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t	M ầ nh	09/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
28	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
29	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ ph	Nam	29/12/1994				5.3			5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	
30	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u	Nh ầ n	29/04/1994				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
31	3671041850	36CLC-CĐ	B ầ i L ² Tu n	Phong	07/01/1994				4.8			4.8	1.4	4.5	3.2	4.6	
32	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ầ ng	Phúc	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n M ầ nh	Quang	14/07/1994				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
34	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ầ nh	Sang	25/04/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
35	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n	S	09/01/1994				4.0			4.0	1.2	5.3	3.7	4.9	
36	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	T ầ nh	19/03/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
37	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng	Tu n	13/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
38	3671040226	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh	T ầ ng	02/04/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100607 - T ấ n ấ d ấ g 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ấ ng	Thanh	02/12/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
40	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c	Th ấ nh	23/08/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
41	3671040092	36CLC-CĐ	Nguy n Quang	Th ấ i	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3671041940		L ² Ti n	Th ấ g	20/06/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
43	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n	Th ấ g	20/06/1992				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
44	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Trai	00/01/1900				4.5			4.5	1.4	4.3	3.0	4.4	
45	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công	Tri u	14/05/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
46	3671040936	36CLC-CĐ	Trang Thanh	Trung	25/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
47	3671010091	36CLC-CĐ	Tr n Qu c	Vi t	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

T ấ g s : 47 h c sinh sinh v ấ n
Tr ấ ng Khoa Gi ấ o Vi ấ n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V ấ Khoa